

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIA TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIỂU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: 2856 /QĐ-UBND ngày 16 / 10 /2026 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ ông Võ Văn Chín và bà Lê Thị Kim Thanh**

Ông: Võ Văn Chín **CCCD: 051062007639**

Bà: Lê Thị Kim Thanh **CCCD:**

Số điện thoại:

Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 3, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 332,6m², loại đất: HNK. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 13,4m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Nguyên thửa đất này do ông bà lưu hạ để lại cho ông Võ Văn Chín. Thửa đất được Nhà nước cấp GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy 03666/786/QĐ-UB(H), cấp ngày 20/12/1999 do hộ ông Võ Văn Chín đứng tên chủ sử dụng đất. Thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ 18, diện tích 1.105m², loại đất T+Vườn (Trong đó: 200m² đất T và 905m² đất Vườn). Tuyến chính cao tốc đã thu hồi 710,5 m² (200m² đất ở và 510,5m² đất nông nghiệp). Quá trình sử dụng ổn định từ đó đến nay, không tranh chấp, không lấn chiếm, phù hợp quy hoạch.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									5.708.400	
I	Bồi thường về đất:									951.400	

1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	3	13,4	HNK	KV1/ Vị trí 2	m2	100%	71.000	951.400	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:									4.757.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									4.757.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác		3	13,4	HNK	KV1/ Vị trí 2	m ²	500%	71.000	4.757.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									800.000	
1	Cau cho quả	1	3	2,0	HNK		Cây	100%	400.000	800.000	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.417.500	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.417.500	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			3,0			Khẩu	100%	472.500	1.417.500	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										7.925.900	

Bằng chữ: Bảy triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỐ**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

PHƯƠNG ÁN CHẤM DỪNG TÁI TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỐ THUỘC TIỂU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025;

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 16 / 10/2026 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ ông Võ Văn Mười và bà Huỳnh Thị Thanh Nga**

Ông: Võ Văn Mười **CCCD: 051063000607**

Bà: Huỳnh Thị Thanh Nga **CCCD:**

Số điện thoại:

Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 6, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 339,3m², loại đất: HNK. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 31,5m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được nhà nước cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Võ Văn Mười vào năm 1998. Hộ ông Mười quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 2023 thì mở rộng Cao tốc Quảng Ngãi-Hoài Nhơn được Sở TNMT tỉnh cấp lại Giấy CNQSD đất, hiện nay không có ai tranh chấp

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									13.419.000	
I	Bồi thường về đất:									2.236.500	

1.1	Đất trồng cây hằng năm khác	1	6	31,5	HNK	KV1/ Vị trí 2	m2	100%	71.000	2.236.500	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:										
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									11.182.500	
1	Đất trồng cây hằng năm khác	1	6	31,5	HNK	KV1/ Vị trí 2	m ²	500%	71.000	11.182.500	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									129.150	
1	Lúa	1	6	31,5	HNK		m2	100%	4.100	129.150	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.890.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.890.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			4,0			Khẩu	100%	472.500	1.890.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										15.438.150	

Bằng chữ: Mười lăm triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn một trăm năm mươi đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 03

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIAO TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIỂU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: 2856 /QĐ-UBND ngày 16 / 10 /2026 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ ông Lê Văn Dư**
Ông: Lê Văn Dư **CCCD: 051039004487**
Số điện thoại:
Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 7, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 429,6m², loại đất: HNK. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 14,5m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được nhà nước cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Lê Văn Dư vào năm 1998. Hộ ông Lê Văn Dư quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 1999 thì được UBND huyện Đức Phổ cấp Giấy CNQSD đất, hiện nay không có ai tranh chấp.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									6.177.000	
I	Bồi thường về đất:									1.029.500	
1.1	Đất trồng cây hằng năm khác	1	7	14,5	HNK	KV1/ Vị trí 2	m2	100%	71.000	1.029.500	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:										

1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									5.147.500	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	7	14,5	HNK	KV1/ Vị trí 2	m ²	500%	71.000	5.147.500	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									49.300	
1	Cỏ voi	1	7	14,5	HNK		m2	100%	3.400	49.300	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									4.725.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									4.725.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			10,0			Khẩu	100%	472.500	4.725.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										10.951.300	

Bảng chữ: Mười hai triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm hai mươi đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 04

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIỂU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: 2856 /QĐ-UBND ngày 16 / 10/2026 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: Bà Võ Thúy Lại
Bà: Võ Thúy Lại CCCD: 051181014107
Số điện thoại:
Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 2, tờ bản đồ dự án số 02, diện tích 948m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 24,2m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất này là đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Phạm Thị Hóa vào năm 1998. Hộ bà Phạm Thị Hóa quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 1999 thì được UBND huyện Đức Phổ cấp Giấy CNQSD đất, hiện nay không có ai tranh chấp. Đến năm 2022 bà Hóa chuyển nhượng cho bà Võ Thúy Lại, quá trình sử dụng ổn định không ai tranh chấp.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									10.890.000	
I	Bồi thường về đất:									1.815.000	
1.1	Đất trồng lúa nước	2	2	24,2	LUC	KV1/ Vị trí 1	m2	100%	75.000	1.815.000	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất

II	Hỗ trợ về đất:									9.075.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									9.075.000	
1	Đất trồng lúa nước	2	2	24,2	LUC	KV1/ Vị trí 1	m ²	500%	75.000	9.075.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									99.220	
1	Lúa	2	2	24,2	LUC		m2	100%	4.100	99.220	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.890.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.890.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			4,0			Khẩu	100%	472.500	1.890.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										12.879.220	

Bằng chữ: Mười hai triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm hai mươi đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



PHỤ LỤC 05

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VÀ TRI BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIỂU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: 2856 /QĐ-UBND ngày 16 / 10/2026 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ bà Nguyễn Thị Hạnh**

Bà: Nguyễn Thị Hạnh **CCCD: 051147000666**

Số điện thoại:

Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 8, tờ bản đồ dự án số 02, diện tích 333,1m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 18m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được nhà nước cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Nguyễn Thị Hạnh vào năm 1998. Hộ bà Nguyễn Thị Hạnh quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 2003 thì được UBND huyện Đức Phổ cấp Giấy CNQSD đất, hiện nay không có ai tranh chấp.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									8.100.000	
I	Bồi thường về đất:									1.350.000	
1.1	Đất trồng lúa nước	2	8	18,0	LUC	KV1/ Vị trí 1	m2	100%	75.000	1.350.000	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:									6.750.000	

1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									6.750.000	
1	Đất trồng lúa nước	2	8	18,0	LUC	KV1/ Vị trí 1	m ²	500%	75.000	6.750.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									73.800	
1	Lúa	2	8	18,0	LUC		m2	100%	4.100	73.800	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									472.500	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									472.500	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			1,0			Khẩu	100%	472.500	472.500	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										8.646.300	

Bảng chữ: Tám triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm đồng.



**PHƯỜNG AN CHI THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC
PHỔ THUỘC TIỂU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH
QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025**
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: 2856/QĐ-UBND ngày 16 / 10/2026 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ ông Huỳnh Cư**
Ông: Huỳnh Cư **CCCD: 051051002500**
Số điện thoại:
Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 9, tờ bản đồ dự án số 02, diện tích 998m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 13,6m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được nhà nước cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Huỳnh Cư vào năm 1998. Hộ ông Huỳnh Cư quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 1999 thì được UBND huyện Đức Phổ cấp Giấy CNQSD đất, hiện nay không có ai tranh chấp.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									6.120.000	
I	Bồi thường về đất:									1.020.000	
1.1	Đất trồng lúa nước	2	9	13,6	LUC	KV1/ Vị trí 1	m2	100%	75.000	1.020.000	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:									5.100.000	

1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									5.100.000	
1	Đất trồng lúa nước	2	9	13,6	LUC	KV1/ Vị trí 1	m ²	500%	75.000	5.100.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									55.760	
1	Lúa	2	9	13,6	LUC		m2	100%	4.100	55.760	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.890.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.890.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			4,0			Khẩu	100%	472.500	1.890.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										8.065.760	

Bằng chữ: Tám triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



PHỤ LỤC 07

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT TRI BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIỂU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: 2856 /QĐ-UBND ngày 16 / 10/2026 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Ông Phan Văn Hào**
Ông: Phan Văn Hào **CCCD: 051093014848**
Số điện thoại:
Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 10, tờ bản đồ dự án số 02, diện tích 301,7m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 25,8m².

Nguồn gốc sử dụng đất: 'Đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị Mai theo giấy CNQSDĐ số vào sổ CH: 00888 cấp ngày Cấp ngày: 08/10/2014, sau đó hộ bà Lê Thị Mai thừa kế cho bà Lê Thị Chín và đến tháng 3 năm 2026 chuyển nhượng lại cho ông Phan Văn Hòa.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									11.610.000	
I	Bồi thường về đất:									1.935.000	
1.1	Đất trồng lúa nước	2	10	25,8	LUC	KV1/ Vị trí 1	m2	100%	75.000	1.935.000	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:										

1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									9.675.000	
1	Đất trồng lúa nước	2	10	25,8	LUC	KV1/ Vị trí 1	m ²	500%	75.000	9.675.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									105.780	
1	Lúa	2	10	25,8	LUC		m2	100%	4.100	105.780	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									3.307.500	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									3.307.500	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			7,0			Khẩu	100%	472.500	3.307.500	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										15.023.280	

Bảng chữ: Mười lăm triệu không trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 08

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ bà Huỳnh Thị Ánh (chết), con gái Nguyễn Thị Tú Trinh nhận thừa kế**
Bà: Nguyễn Thị Tú Trinh CCCD: 051197006380
Số điện thoại:
Địa chỉ: **Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi**

Đang sử dụng thửa đất số 11, tờ bản đồ dự án số 02, diện tích 534,9m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 12,8m².
Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; Giấy CNQSDĐ số vào sổ CS02884 cấp ngày 18/5/2021, sử dụng ổn định từ đó đến nay, không tranh chấp, không lấn chiếm.Đến tháng 3 năm 2023, bà Huỳnh Thị Ánh chết, không để lại di chúc. Đến tháng 5 năm 2023, các đồng thừa kế đã thống nhất lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, theo đó thống nhất để bà Nguyễn Thị Tú Trinh nhận toàn bộ phần quyền sử dụng đất thuộc di sản thừa kế của hộ bà Huỳnh Thị Ánh.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									5.760.000	
I	Bồi thường về đất:									960.000	
1.1	Đất trồng lúa nước	2	11	12,8	LUC	KV1/ Vị trí 1	m2	100%	75.000	960.000	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất

II	Hỗ trợ về đất:									4.800.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									4.800.000	
1	Đất trồng lúa nước	2	11	12,8	LUC	KV1/ Vị trí 1	m ²	500%	75.000	4.800.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									52.480	
1	Lúa	2	11	12,8	LUC		m2	100%	4.100	52.480	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									945.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									945.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			2,0			Khẩu	100%	472.500	945.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										6.757.480	

Bảng chữ: Sáu triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 09

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: Ông Phan Văn Nhận
Ông: Phan Văn Nhận CCCD: 051061001332
Số điện thoại:
Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 12, tờ bản đồ dự án số 02, diện tích 1868,2m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 25,8m².
Nguồn gốc sử dụng đất: 'Nguyên thửa đất này được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Phan Văn Mai vào năm 1998. Hộ ông Phan Văn Mai quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 1999 thì được UBND huyện Đức Phổ cấp Giấy CNQSD đất, hiện nay không có ai tranh chấp. Đến năm 2022 ông Mai thừa kế ông Phan Văn Nhận, quá trình sử dụng ổn định không ai tranh chấp.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									11.610.000	
I	Bồi thường về đất:									1.935.000	
1.1	Đất trồng lúa nước	2	11	25,8	LUC	KV1/ Vị trí 1	m2	100%	75.000	1.935.000	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất

II	Hỗ trợ về đất:										
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									9.675.000	
1	Đất trồng lúa nước	2	12	25,8	LUC	KV1/ Vị trí 1	m ²	500%	75.000	9.675.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									105.780	
1	Lúa	2	12	25,8	LUC		m2	100%	4.100	105.780	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									-	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									-	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			0,0			Khẩu	100%	472.500	-	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										11.715.780	

Bằng chữ: Mười một triệu bảy trăm mười lăm nghìn bảy trăm tám mươi đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 10

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ bà Nguyễn Thị Chín (chết) con trai Lê Minh Cường**
Ông: **Lê Minh Cường** CCCD: **051069019234**
Số điện thoại:
Địa chỉ: **Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi**

Đang sử dụng thửa đất số 16, tờ bản đồ dự án số 02, diện tích 1026,0m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 25,8m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Nguyên thửa đất này được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Nguyễn Thị Chín vào năm 1998. Hộ bà Nguyễn Thị Chín quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 1999 thì được UBND huyện Đức Phổ cấp Giấy CNQSD đất, hiện nay không có ai tranh chấp.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									10.526.400	
I	Bồi thường về đất:									1.754.400	
1.1	Đất trồng lúa nước	2	16	25,8	LUC	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	1.754.400	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:										

1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									8.772.000	
1	Đất trồng lúa nước	2	12	25,8	LUC	KV1/ Vị trí 3	m ²	500%	68.000	8.772.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									105.780	
1	Lúa	2	12	25,8	LUC		m2	100%	4.100	105.780	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									472.500	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									472.500	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			1,0			Khẩu	100%	472.500	472.500	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										11.104.680	

Bằng chữ: Mười một triệu một trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm tám mươi đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 11

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ ông Nguyễn Thành Long**
Ông: **Nguyễn Thành Long** CCCD: **051047002369**
Số điện thoại:
Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 24, tờ bản đồ dự án số 02, diện tích 1253,2m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 25,8m².
Đang sử dụng thửa đất số 44, tờ bản đồ dự án số 02, diện tích 348,5m², loại đất: HNK. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 10,6m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Nguyên 02 thửa đất này được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Thành Long vào năm 1998. Hộ ông Nguyễn Thành Long quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 1999 thì được UBND huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) cấp Giấy CNQSD đất, hiện nay không có ai tranh chấp.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									15.934.800	
I	Bồi thường về đất:									2.655.800	
1.1	Đất trồng lúa nước	2	24	25,8	LUC	KV1/ Vị trí 1	m2	100%	75.000	1.935.000	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất

1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	2	44	10,6	HNK	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	720.800	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:										
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									13.279.000	
1	Đất trồng lúa nước	2	24	25,8	LUC	KV1/ Vị trí 1	m ²	500%	75.000	9.675.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
2	Đất trồng cây hằng năm khác	2	44	10,6	HNK	KV1/ Vị trí 3	m ²	500%	68.000	3.604.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									133.340	
1	Lúa	2	24	25,8	LUC		m2	100%	4.100	105.780	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
2	Mè	2	44	10,6	HNK		m2	100%	2.600	27.560	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.417.500	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.417.500	

1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			3,0			Khẩu	100%	472.500	1.417.500	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										17.485.640	

Bằng chữ: Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi đồng.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									5.385.600	
I	Bồi thường về đất:									897.600	

1.1	Đất trồng lúa nước	2	25	13,2	LUC	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	897.600	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:									4.488.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									4.488.000	
1	Đất trồng lúa nước	2	25	13,2	LUC	KV1/ Vị trí 3	m ²	500%	68.000	4.488.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									54.120	
1	Lúa	2	25	13,2	LUC		m2	100%	4.100	54.120	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.890.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.890.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			4,0			Khẩu	100%	472.500	1.890.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										7.329.720	

Bảng chữ: Bảy triệu ba trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 13

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ bà Võ Thị Gia**
Bà: **Võ Thị Gia** CCCD: **051147007004**
Số điện thoại:
Địa chỉ: **Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi**

Đang sử dụng thửa đất số 28, tờ bản đồ dự án số 02, diện tích 1199,4m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 25,3m².
Nguồn gốc sử dụng đất: Nguyên thửa đất này được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Tâm vào năm 1998. Hộ ông Nguyễn Tâm quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 1999 thì được UBND huyện Đức Phổ cấp Giấy CNQSD đất, hiện nay không có ai tranh chấp.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									10.322.400	
I	Bồi thường về đất:									1.720.400	
1.1	Đất trồng lúa nước	2	28	25,3	LUC	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	1.720.400	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất

II	Hỗ trợ về đất:									8.602.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									8.602.000	
1	Đất trồng lúa nước	2	25	25,3	LUC	KV1/ Vị trí 3	m ²	500%	68.000	8.602.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									103.730	
1	Lúa	2	25	25,3	LUC		m2	100%	4.100	103.730	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									945.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									945.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			2,0			Khẩu	100%	472.500	945.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										11.371.130	

Bằng chữ: Mười một triệu ba trăm bảy mươi một nghìn một trăm ba mươi đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 14

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ bà Lê Thị Mẫn và ông Nguyễn Văn Chương**

Bà: Lê Thị Mẫn **CCCD:**

Ông: Nguyễn Văn Chương **CCCD: 051069012663**

Số điện thoại:

Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ dự án số 02, diện tích 367,8m², loại đất:HNK. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 27,7 m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Nguyên thửa đất này được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Võ Thị Biên vào năm 1998. Hộ bà Võ Thị Biên quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 1999 thì được UBND huyện Đức Phổ cấp Giấy CNQSD đất, hiện nay không có ai tranh chấp. Đến năm 2021, bà Biên thừa kế cho ông Nguyễn Văn Chương.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									11.800.200	
I	Bồi thường về đất:									1.966.700	
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	2	45	27,7	HNK	KV1/ Vị trí 2	m2	100%	71.000	1.966.700	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất

II	Hỗ trợ về đất:									9.833.500	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									9.833.500	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	2	45	27,7	HNK	KV1/ Vị trí 2	m ²	500%	71.000	9.833.500	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									288.080	
1	Kiểu	2	45	27,7	HNK		m2	100%	10.400	288.080	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									2.362.500	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									2.362.500	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			5,0			Khẩu	100%	472.500	2.362.500	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										14.450.780	

Bằng chữ: Mười bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 15

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ bà Nguyễn Thị Anh, chồng Lê May (chết)**
Bà: Nguyễn Thị Anh **CCCD: 051148002775**
Số điện thoại:
Địa chỉ: **Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi**

Đang sử dụng thửa đất số 46, tờ bản đồ dự án số 02, diện tích 943m², loại đất:HNK. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 15,7 m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Nguyên thửa đất này được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Lê May vào năm 1998. Hộ ông Lê May quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 1999 thì được UBND huyện Đức Phổ cấp Giấy CNQSD đất, hiện nay không có ai tranh chấp.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									6.405.600	
I	Bồi thường về đất:									1.067.600	
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	2	46	15,7	HNK	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	1.067.600	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất

II	Hỗ trợ về đất:									5.338.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									5.338.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	2	46	15,7	HNK	KV1/ Vị trí 3	m ²	500%	68.000	5.338.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									64.370	
1	Lúa	2	46	15,7	HNK		m2	100%	4.100	64.370	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									945.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									945.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			2,0			Khẩu	100%	472.500	945.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										7.414.970	

Bảng chữ: Bảy triệu bốn trăm mười bốn nghìn chín trăm bảy mươi đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 16

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ bà Nguyễn Bảo Linh**
Bà: Nguyễn Bảo Linh CCCD: 064172000111
Số điện thoại:
Địa chỉ: **Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi**

Đang sử dụng thửa đất số 921, tờ bản đồ dự án số 04, diện tích 681m², loại đất:HNK. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 9 m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Nguyên thửa đất này được Nhà nước cân đối theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Nguyễn Bảo Linh vào năm 1996 và hộ gia đình sử dụng ổn định, liên tục đến nay, không có ai tranh chấp. Đã được cấp giấy CNQSDĐ.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									3.672.000	
I	Bồi thường về đất:									612.000	
1.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	4	921	9,0	HNK	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	612.000	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất

II	Hỗ trợ về đất:									3.060.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									3.060.000	
1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	4	921	9,0	HNK	KV1/ Vị trí 3	m ²	500%	68.000	3.060.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									30.600	
1	Cỏ voi	4	921	9,0	HNK		m2	100%	3.400	30.600	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.890.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.890.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			4,0			Khẩu	100%	472.500	1.890.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										5.592.600	

Bằng chữ: Năm triệu năm trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 17

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIỂU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: Ông Bùi Văn Cửu và bà Nguyễn Thị Bích Liên

Ông Bùi Văn Cửu CCCD:

Bà Nguyễn Thị Bích Liên CCCD: 051175001070

Số điện thoại:

Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 599, tờ bản đồ dự án số 05, diện tích 1515,5m², loại đất: ODT+HNK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 21m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất ở được Nhà nước cấp cho ông Bùi Lý và bà Võ Thị Đài, sử dụng ổn định từ đó đến nay, không tranh chấp, không lấn chiếm, phù hợp quy hoạch. Đã được cấp GCNQSDĐ. Đến năm 2022 thửa kê cho ông Bùi Văn Cửu.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									21.651.000	
I	Bồi thường về đất:									1.491.000	
1	Đất trồng cây lâu năm (cùng thửa đất ở)	5	599	21,0	ODT+HNK	KV1/Vị trí 2	m2	100%	71.000	1.491.000	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất

A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									21.651.000	
II	Hỗ trợ về đất:									20.160.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									20.160.000	
1.1	Đất trồng cây lâu năm; Đất mặt tiền nằm ven các trục giao thông còn lại trong Phường Đức Phổ, trung tâm có mặt đường thâm nhập nhựa hoặc bê tông xi măng rộng từ 3m trở lên (đối với phường Phổ Hòa, Phổ Ninh, Phổ Minh cũ)	5	599	21,0	ODT+HNK	KV1/Vị trí 2	m2	50%	1.920.000	20.160.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									800.000	
1	Cau cho quả	5	599	2,0	ODT+HNK		Cây	100%	400.000	800.000	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÔNG TRÌNH, VẬT KIẾN TRÚC									0	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.890.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.890.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			4,0			Khẩu	100%	472.500	1.890.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C+D)										24.341.000	

Bảng chữ: Hai mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Ông: Nguyễn Văn Sơn **CCCD: 051063000729**

Bà: Trần Thị Kim Liệu **CCCD:**

Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được Nhà nước cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Sơn theo ND 64/CP từ năm 1996 và hộ gia đình sử dụng ổn định, liên tục đến nay, không có ai tranh chấp. Đã được cấp giấy CNQSDĐ.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									3.024.600	
I	Bồi thường về đất:									504.100	

1.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	5	762	7,1	HNK	KV1/ Vị trí 2	m2	100%	71.000	504.100	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:									2.520.500	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									2.520.500	
1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	5	762	7,1	HNK	KV1/ Vị trí 2	m ²	500%	71.000	2.520.500	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									0	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.890.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.890.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			4,0			Khâu	100%	472.500	1.890.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										4.914.600	

Bảng chữ: Bốn triệu chín trăm mười bốn nghìn sáu trăm đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 19

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ ông Võ Văn Tâm và bà Nguyễn Thị Ngâu**
Ông: Võ Văn Tâm **CCCD: 051064000799**
Bà: Nguyễn Thị Ngâu **CCCD:**
Số điện thoại:
Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 821, tờ bản đồ dự án số 05, diện tích 236,8m², loại đất:HNK. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 19,1 m².
Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được Nhà nước cấp cho hộ ông Võ Văn Tâm theo ND 64/CP từ năm 1996 và hộ gia đình sử dụng ổn định, liên tục đến nay, không có ai tranh chấp. Đã được cấp giấy CNQSDĐ.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									8.136.600	
I	Bồi thường về đất:									1.356.100	
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	5	821	19,1	HNK	KV1/ Vị trí 2	m2	100%	71.000	1.356.100	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất

II	Hỗ trợ về đất:									6.780.500	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									6.780.500	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	5	821	19,1	HNK	KV1/ Vị trí 2	m ²	500%	71.000	6.780.500	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									0	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									3.307.500	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									3.307.500	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			7,0			Khẩu	100%	472.500	3.307.500	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										11.444.100	

Bảng chữ: Mười một triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm đồng.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									7.507.200	
I	Bồi thường về đất:									1.251.200	

1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	5	887	18,4	HNK	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	1.251.200	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:									6.256.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									6.256.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	5	887	18,4	HNK	KV1/ Vị trí 3	m ²	500%	68.000	6.256.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									62.560	
1	Cỏ voi	5	887	18,4	HNK		m2	100%	3.400	62.560	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.890.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.890.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			4,0			Khâu	100%	472.500	1.890.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										9.459.760	

Bảng chữ: Chín triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi đồng.

**PHƯỜNG AN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC
PHỔ THUỘC TIỂU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CỬ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH
QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025**
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ ông Nguyễn Văn Nghi và bà Nguyễn Thị Xuân Thắm**
Ông: Nguyễn Văn Nghi **CCCD: 051069001291**
Bà: Nguyễn Thị Xuân Thắm **CCCD:**
Số điện thoại:

Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 158, tờ bản đồ dự án số 05, diện tích 1566,3m², loại đất:LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 9,2m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được Nhà nước cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Nghi theo ND 64/CP từ năm 1996 và hộ gia đình sử dụng ổn định, liên tục đến nay, không có ai tranh chấp. Đã được cấp giấy CNQSDĐ.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									3.753.600	
I	Bồi thường về đất:									625.600	

1.1	Đất bằng trồng lúa nước	5	158	9,2	LUC	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	625.600	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:									3.128.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									3.128.000	
1	Đất bằng trồng lúa nước	5	158	9,2	LUC	KV1/ Vị trí 3	m ²	500%	68.000	3.128.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									37.720	
1	Lúa	5	158	9,2	LUC		m2	100%	4.100	37.720	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.417.500	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.417.500	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			3,0			Khẩu	100%	472.500	1.417.500	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										5.208.820	

Bằng chữ: Năm triệu hai trăm lẻ tám nghìn tám trăm hai mươi đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 22

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ ông Nguyễn Văn Đối**
Ông: Nguyễn Văn Đối **CCCD: 051059000541**
Số điện thoại:
Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 195, tờ bản đồ dự án số 05, diện tích 1198m², loại đất:LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 1,8m².
Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được Nhà nước cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đối theo ND 64/CP từ năm 1996 và hộ gia đình sử dụng ổn định, liên tục đến nay, không có ai tranh chấp. Đã được cấp giấy CNQSDĐ.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									734.400	
I	Bồi thường về đất:									122.400	
1.1	Đất trồng lúa nước	5	195	1,8	LUC	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	122.400	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất

II	Hỗ trợ về đất:									612.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									612.000	
1	Đất trồng lúa nước	5	195	1,8	LUC	KV1/ Vị trí 3	m ²	500%	68.000	612.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									0	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									2.835.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									2.835.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			6,0			Khẩu	100%	472.500	2.835.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										3.569.400	

Bảng chữ: Ba triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 23

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ ông Nguyễn Văn Thịnh**
Ông: **Nguyễn Văn Thịnh** **CCCD: 051069013609**
Số điện thoại:
Địa chỉ: **Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi**

Đang sử dụng thửa đất số 232, tờ bản đồ dự án số 05, diện tích 1094m², loại đất:LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 1,8m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được Nhà nước cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Thịnh theo NĐ 64/CP từ năm 1996 và hộ gia đình sử dụng ổn định, liên tục đến nay, không có ai tranh chấp. Đã được cấp giấy CNQSDĐ.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									734.400	
I	Bồi thường về đất:									122.400	
1.1	Đất trồng lúa nước	5	232	1,8	LUC	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	122.400	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất

II	Hỗ trợ về đất:									612.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									612.000	
1	Đất trồng lúa nước	5	232	1,8	LUC	KV1/ Vị trí 3	m ²	500%	68.000	612.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									0	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									2.835.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									2.835.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			6,0			Khẩu	100%	472.500	2.835.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										3.569.400	

Bảng chữ: Ba triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 24

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỐ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: Ông Cao Văn Cứ và bà Nguyễn Thị Cái
Ông: Cao Văn Cứ CCCD:
Bà: Nguyễn Thị Cái CCCD: 051149005496
Số điện thoại:

Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 137, tờ bản đồ dự án số 06, diện tích 1095,5m², loại đất:LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 18,4m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được Nhà nước cấp cho hộ ông Cao Văn Cứ theo ND 64/CP từ năm 1996 và hộ gia đình sử dụng ổn định, liên tục đến nay, không có ai tranh chấp. Đã được cấp giấy CNQSDĐ.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									6.772.800	
I	Bồi thường về đất:									1.128.800	
1.1	Đất bằng trồng lúa nước	5	137	16,6	LUC	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	1.128.800	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:										
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									5.644.000	
1	Đất bằng trồng lúa nước	5	137	16,6	LUC	KV1/ Vị trí 3	m ²	500%	68.000	5.644.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									68.060	
1	Lúa	5	137	16,6	LUC		m2	100%	4.100	68.060	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									2.835.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									2.835.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			6,0			Khâu	100%	472.500	2.835.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										9.675.860	

Bằng chữ: Mười triệu bốn trăm mười bảy nghìn sáu trăm bốn mươi đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 25

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỐ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: Hộ ông Nguyễn Văn Vượng và bà Đỗ Thị Lưu Ly
Ông: Nguyễn Văn Vượng CCCD: 051065012493
Bà: Đỗ Thị Lưu Ly CCCD:
Số điện thoại:
Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 193, tờ bản đồ dự án số 06, diện tích 674,1m², loại đất:LUC. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 26m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được Nhà nước cấp cho hộ ông Cao Văn Cứ theo ND 64/CP từ năm 1996 và hộ gia đình sử dụng ổn định, liên tục đến nay, không có ai tranh chấp. Đã được cấp giấy CNQSDĐ.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									10.608.000	
I	Bồi thường về đất:									1.768.000	
1.1	Đất trồng lúa nước	6	137	26,0	LUC	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	1.768.000	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:										
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									8.840.000	
1	Đất trồng lúa nước	6	137	26,0	LUC	KV1/ Vị trí 3	m²	500%	68.000	8.840.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									106.600	
1	Lúa	6	137	26,0	LUC		m2	100%	4.100	106.600	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									2.835.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									2.835.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			6,0			Khâu	100%	472.500	2.835.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)											13.549.600

Bằng chữ: Mười ba triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Nguồn gốc sử dụng đất: 'Đất được Nhà nước cấp cho hộ bà Đặng Thị Hiệp theo ND 64/CP từ năm 1996 và hộ gia đình sử dụng ổn định, liên tục đến nay, không có ai tranh chấp. Đã được cấp giấy CNQSDĐ.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									9.832.800	
I	Bồi thường về đất:									1.638.800	

1.1	Đất trồng lúa nước	6	234	24,1	LUC	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	1.638.800	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:									8.194.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									8.194.000	
1	Đất trồng lúa nước	6	234	24,1	LUC	KV1/ Vị trí 3	m ²	500%	68.000	8.194.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									98.810	
1	Lúa	6	234	24,1	LUC		m2	100%	4.100	98.810	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									945.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									945.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			2,0			Khẩu	100%	472.500	945.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										10.876.610	

Bằng chữ: Mười triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm mười đồng.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									7.969.500	
I	Bồi thường về đất:									577.500	

1.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	6	253	7,7	ODT+HNK	KV1/Vị trí 1	m2	100%	75.000	577.500	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:									7.392.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									7.392.000	
1	Hỗ trợ đất vườn cùng thửa đất ở (Thực hiện khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai; Khoản 11, Điều 5 của Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									7.392.000	
	Đất vườn cùng thửa đất ở (Đất mặt tiền đường bê tông từ đường Phạm Xuân Hòa đến hồ Liet Sơn)	6	253	7,7	ODT+HNK	VT1	m2	50%	1.920.000	7.392.000	Mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá đất ở trong bảng giá đất hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									26.180	
1	Cỏ voi	6	253	7,7	ODT+HNK		m2	100%	3.400	26.180	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
C	CÔNG TRÌNH, VẬT KIẾN TRÚC									3.904.320	
	Tường rào, lưới B40, trụ bê tông, móng đá, tường xây gạch	6	253	7,84	ODT+BHK		m2	100%	498.000	3.904.320	Đơn giá tại Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.417.500	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.417.500	

1	Thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1 tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			3,0			Khẩu	100%	472.500	1.417.500	
TỔNG CỘNG (A+B)										13.317.500	

Bảng chữ: Mười ba triệu ba trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									19.147.500	
I	Bồi thường về đất:									1.387.500	

[illegible]

I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)								945.000		
1	Thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1 tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			2,0			Khẩu	100%	472.500	945.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C+D)										35.045.440	

Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 29

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CỬ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ ông Huỳnh Nhân và bà Lê Thị Kim Hoa**
Ông: Huỳnh Nhân **CCCD: 051069001282**
Bà: Lê Thị Kim Hoa **CCCD:**
Số điện thoại:
Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 260, tờ bản đồ dự án số 06, diện tích 262,6m², loại đất:HNK. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 4,3m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được Nhà nước cấp cho hộ ông Huỳnh Nhân theo NĐ 64/CP từ năm 1996. Ông Nhân sử dụng ổn định từ đó đến nay, không ai tranh chấp, không lấn chiếm.

STT	Hạng mục	Tờ BĐ dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									1.754.400	
I	Bồi thường về đất:									292.400	
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	6	260	4,3	HNK	KV1/ Vị trí 3	m2	100%	68.000	292.400	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất

II	Hỗ trợ về đất:									1.462.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.462.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	6	260	4,3	HNK	KV1/ Vị trí 3	m ²	500%	68.000	1.462.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									0	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.890.000	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									1.890.000	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			4,0			Khẩu	100%	472.500	1.890.000	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										3.644.400	

Bảng chữ: Ba triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng.

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									7.695.000	
I	Bồi thường về đất:									1.282.500	

1.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	6	573	17,1	HNK	KV1/ Vị trí 1	m2	100%	75.000	1.282.500	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
II	Hỗ trợ về đất:									6.412.500	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									6.412.500	
1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	6	573	17,1	HNK	KV1/ Vị trí 1	m ²	500%	75.000	6.412.500	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
B	CÂY CỎI									6.630.000	
1	Chuối cho buồng	6	573	27,0	HNK		cây	100%	162.000	4.374.000	Đơn giá tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
2	Chuối chưa cho buồng	6	573	23,0	HNK		cây	100%	42.000	966.000	
3	Chuối con	6	573	20,0	HNK		cây	100%	42.000	840.000	
4	Dứa cho quả	6	573	10,0	HNK		cây	100%	45.000	450.000	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									472.500	
I	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									472.500	
1	Thu hồi từ dưới 10% diện tích đất nông nghiệp (1tháng x 30kg gạo x 15.750đ/kg)			1,0			Khẩu	100%	472.500	472.500	
TỔNG CỘNG (A+B+C)										14.797.500	

Bằng chữ: Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng.

PHỤ LỤC 31

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DI DỜI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, ĐOẠN QUA PHƯỜNG ĐỨC PHỔ THUỘC TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN, ĐOẠN QUA TỈNH QUẢNG NGÃI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC-NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phò)

Họ và tên chủ sử dụng đất: Ông Nguyễn Hữu Nghĩa và bà Võ Thị Lan

Ông: Nguyễn Hữu Nghĩa **CCCD: 051045000315**

Bà: Võ Thị Lan **CCCD:**

Số điện thoại:

Địa chỉ: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đang sử dụng thửa đất số 645, tờ bản đồ dự án số 06, diện tích 666,1m², loại đất:ODT+HNK. Diện tích thu hồi xây dựng công trình: 1,3m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất ông bà lưu hạ và được Nhà nước cấp cho ông Nguyễn Hữu Nghĩa và bà Võ Thị Lan sử dụng ổn định từ đó đến nay, không

STT	Hạng mục	Tờ BD dự án	Số thửa	Diện tích thu hồi/ khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI: (I+II)									1.340.300	
I	Bồi thường về đất:									92.300	

[illegible]

Bằng chữ: Hai triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm đồng